

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08-02-2018.

*“Về việc ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nhữ Văn Vinh và ông Vũ Đình Mạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

**- Đại diện VKSND huyện Bình Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 171/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2018, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1992.

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở: Thôn 3, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**Bị đơn:** Anh **Nguyễn Viết Nam S** - sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

**Người làm chứng:** Bà **Phạm Thị B** - sinh năm 1950.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2017, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/9/2012 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận cho đến khi

chị sinh con được khoảng gần 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xảy ra va chạm, cãi chửi nhau do anh S không tu chí làm ăn, không giúp đỡ vợ con và gia đình. Vợ chồng vẫn duy trì cuộc sống chung cho đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, do anh S chơi bời, không tu chí làm ăn, chị và gia đình anh S nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S không nghe lời, thậm chí còn đánh đuổi chị, chị cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng mong anh S thay đổi cách sống nhưng anh S không thay đổi được. Cuối tháng 11/2015, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 3, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ở. Sau thời gian vợ chồng ly thân được khoảng gần 1 tháng thì anh S cùng gia đình đến nhà chị thăm đón mẹ con chị về, nhưng chị không đồng ý quay lại vì chị xác định cuộc sống chung với anh S không còn hạnh phúc, tiếp đó anh S có vào đón mẹ con chị nhưng chị vẫn kiên quyết không quay về đoàn tụ, khi đó anh S có đưa con về ở cùng. Đến tháng 6/2017 chị ra nhà anh S đón con về nuôi cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân gần 02 năm nay nên chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S để chị sớm ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Viết N, sinh ngày 17/4/2013, hiện đang ở với chị. Nguyên vọng của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị xác định có đủ khả năng, điều kiện để nuôi con đến khi trưởng thành, cụ thể là có công việc và thu nhập ổn định với mức thu nhập 5.000.000đ/tháng, công việc làm theo ca có nhiều thời gian chăm sóc, cho con ăn học bình thường. Chị không yên tâm giao con cho anh S nuôi vì anh S không có công việc ổn định, không có thu nhập, đi làm chỉ được một vài tháng thì lại nghỉ việc chỉ vì ham chơi, không tu chí làm ăn, thường hay đi chơi cờ bạc, điện tử, thậm chí có hôm đi chơi qua đêm đến sáng mới về. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, vay nợ và công sức: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung và không cho ai vay, chị không có công sức đóng góp trong thời gian ở chung với gia đình anh S nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và phiên hòa giải, bị đơn anh S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về thời gian và điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau ngày cưới vợ chồng tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận được khoảng gần 01 năm thì sinh con, sau khi sinh con hơn nửa năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm chỉ vì anh chưa có công việc ổn định, thường hay giao lưu với bạn bè nên chị H không đồng ý, thường hay cáu gắt. Theo anh, chị H không biết chăm sóc con chu đáo, thường để con đau ốm, không chăm lo giấc ngủ cho con nên anh và chị H hay có suy nghĩ trái ngược, thỉnh thoảng xảy ra cãi nhau. Cuối năm 2015, chị H bỏ về nhà đẻ ở do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, sau đó anh và gia đình đến tìm chị H về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý, anh và gia đình đón con về ở cùng với anh và bố mẹ đẻ anh. Tháng 6/2017 chị H về nhà anh đón con về ở

cùng cho đến nay. Vợ chồng đã ly thân gần 02 năm nay nhưng anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H và mong vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung, nếu chị H kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày. Anh không đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi con, nguyện vọng của anh xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con vì điều kiện của anh và gia đình anh hơn hẳn điều kiện chị H, anh có công việc và thu nhập khoảng 8 đến 9 triệu/1 tháng, ngoài ra bố mẹ đẻ của anh đã nghỉ hưu có thời gian rảnh rỗi chăm sóc con giúp anh khi vắng nhà. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, vay nợ và công sức: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung, không ai nợ vợ chồng, chị H không có công sức đóng góp gì trong gia đình anh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Vợ chồng chị H, anh S có mâu thuẫn, phát sinh từ việc anh S thiếu tu chí làm ăn, chơi bời, đua đòi bạn bè.

Lời khai của người làm chứng là bà Phạm Thị B (mẹ đẻ anh S): Vợ chồng chị H, anh S có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính anh S cục cằn, gia trưởng, thỉnh thoảng có giao lưu uống rượu với bạn bè, chị H khiến chị H không hài lòng, thêm vào đó chị H cũng không nhẫn nhịn trong ứng xử. Do vậy, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2015 thì mâu thuẫn trở nên căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân. Gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải song không thành. Bà xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là khó hàn gắn, nên chị H kiên quyết xin ly hôn, thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Từ khi thụ lý vụ kiện đến khi xét xử, thẩm phán đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, việc gửi các văn bản tố tụng cũng như thời hạn chuẩn bị xét xử, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đảm bảo nguyên tắc xét xử, thành phần xét xử cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết

326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Viết Nam S.

- Về con chung: Xử giao chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Viết N, sinh ngày 17/4/2013 (hiện đang ở với chị H) đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Anh S có quyền, nghĩa vụ tham nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Viết Nam S kết hôn trên cơ tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 25/9/2012, đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống chung vui vẻ, hòa thuận cho đến sau khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, quan hệ bạn bè của anh S, về việc chăm sóc con cái, cũng như tính nết anh S có phần gia trưởng, cục cằn, trong công việc anh S thiếu tu chí làm ăn, còn về chị H cũng có phần chưa thực sự khéo léo, nhẫn nhịn trong ứng xử. Chị H cũng đã khuyên bảo anh S có trách nhiệm với gia đình, con cái, thay đổi lối sinh hoạt, quan hệ xã hội để không ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, song anh S không nghe. Do vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, thậm chí còn xảy ra xô xát. Đến tháng 11/2015, mâu thuẫn căng thẳng nên chị H đã về quê Thanh Hóa sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải, nhưng chị H kiên quyết không về chung sống với anh S nữa, cho đến hiện nay anh chị hoàn toàn không có tiếng nói chung, đổ lỗi cho nhau trong việc xác định nguyên nhân mâu thuẫn, mà không có giải pháp gì khắc phục.

Nay chị H xin ly hôn anh S không đồng ý, xác định vẫn còn tình cảm với chị H và mong vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng không có giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình

trạng quan hệ hôn nhân của anh chị đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh S không đồng ý ly hôn là gây khó khăn cho chị H chứ không có mục đích mong muốn đoàn tụ. Do vậy, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Việt Nam S.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh S có 01 con chung là Nguyễn Việt N, sinh ngày 17/4/2013, sau khi vợ chồng ly thân cháu N ở cùng anh S, tháng 6/2017 chị H đưa con về sinh sống cùng chị và ông bà ngoại. Hai bên đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn và tự nguyện không yêu cầu đóng góp tiền nuôi con chung. Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của anh S và chị H đều là chính đáng. Để xem xét giao con cho ai nuôi dưỡng, cần xem xét toàn diện, tất cả vì lợi ích của con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh không đồng ý cho chị H nuôi con, anh xác định có thu nhập và công việc ổn định, mức thu nhập từ 8 triệu đến 9 triệu/tháng, điều kiện gia đình tốt hơn điều kiện của chị H, tuy nhiên qua xác minh với gia đình và chính quyền địa phương thì anh S không tu chí làm ăn, công việc không ổn định. Hiện cháu N vẫn còn nhỏ, đang học mẫu giáo, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, chị H hiện làm công nhân, mức thu nhập ổn định 5.000.000đ/tháng, hiện tại cháu N đang do chị H nuôi dưỡng, đảm bảo cuộc sống cũng như việc học hành. Để bảo đảm quyền lợi, sự phát triển của cháu cả về vật chất lẫn tinh thần và không bị xáo trộn cuộc sống của cháu, cần giao cháu N cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

[4] Về tài sản chung, vay nợ và công sức: Chị H, anh S đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H xin ly hôn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Việt Nam S.

2- *Về con chung:* Xử giao chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Việt N, sinh ngày 17/4/2013 (hiện đang ở với chị H) đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự

nguyên của chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3-*Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Bình Giang theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AB/2014/0002396 ngày 14/11/2017. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**NGUYỄN VĂN CƯỜNG**